

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUỐC GIA VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2195/CNPD-TM

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026

V/v mời cung cấp báo giá “Mua sắm vật tư thay thế phục vụ BDSC định kỳ năm 2027 cho hệ thống khói gió - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2”

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (Chi nhánh) đang có nhu cầu Mua sắm vật tư thay thế phục vụ BDSC định kỳ năm 2027 cho hệ thống khói gió - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Chi nhánh kính mời các Quý công ty có uy tín, năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp các chủng loại hàng hóa nêu trên quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như *Phụ lục phạm vi công việc đính kèm*.
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.
 - Tiến độ cung cấp hàng hóa: Hàng hóa về sớm nhất trước ngày 20/8/2027 và chậm nhất trước ngày 05/09/2027.
 - Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
 - Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 10h00 ngày 10/11/2026.
 - Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên.
 - Hình thức nhận báo giá: Các đơn vị gửi báo giá (file scan, được ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý công ty như *Phụ lục biểu chào giá đính kèm*) qua thư điện tử theo các địa chỉ Email: nhanbaogia.hn@pvpqb.vn; hanhnh@pvpqb.vn.
 - Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Bà Lương Hồng Hạnh – Phòng Thương mại, Tel: 0915.977.820.
- Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý công ty.
- Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc CN (để b/c);
- PGĐ H.Q.Thắng (e-copy);
- Lưu: VT, TM (LHH).

Đính kèm:

- Phụ lục Phạm vi công việc.
- Phụ lục Biểu chào giá.



PHỤ LỤC PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Đính kèm Công văn số ~~2195~~ 2195/CNPD-TM ngày 30/10/2026)

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mùa sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
1	43900195	Impeller hub IDF	Bolt		No. 21	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	132	Bộ	
2	53004012		Sliding Block		Bao gồm No. W20, W21, W22, 23	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	44	Bộ	
3	48532369		O-ring 1857x6		No. W13	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	1	Cài	
4	48532370		O-ring 1462x6		No. W10	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	1	Cài	
5	48564508		Retaining ring		No. 13	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	22	Cài	



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
6	48532371		O-ring 83x4		No. W14	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	22	Cái	
7	50304037		Bearing bus, bearing		No. 15, 16	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	22	Bộ	
8	48532376		O-ring 79x3		No. W15	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	22	Cái	
9	48532380		O-ring 139.2x5.7		No. W16	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	44	Cái	
10	50304045		Bearing		No. W17	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	22	Cái	
11	48532390		O-ring 98x3		No. W18	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	22	Cái	
12	23010028		Spring		No. 19	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	22	Cái	



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
13	48564509		Retaining ring		No. W19	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: LG240100(DY)	22	Cái	
14	43900196		Bolt		No. T17	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: LG240200(DY)	132	Bộ	
15	48532394		O-ring 1857x6		No. W12	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: LG240200(DY)	1	Cái	
16	48532396		O-ring 1462x6		No. W9	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: LG240200(DY)	1	Cái	
17	48564510		Retaining ring		No. T10	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: LG240200(DY)	22	Cái	
18	48532401		O-ring 83x4		No. W13	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: LG240200(DY)	22	Cái	
19	50304046		Bearing bus, bearing		No. T12, T13	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: LG240200(DY)	22	Bộ	
20	48532402		O-ring 79x3		No. W14	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: LG240200(DY)	22	Cái	



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
21	48532403		O-ring 139.2x5.7		No. W15	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: LG240200(DY)	44	Cải	
22	50304047		Bearing		No. W16	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: LG240200(DY)	22	Cải	
23	48532406		O-ring 98x3		No. W17	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: LG240200(DY)	22	Cải	
24	23010029		Spring		No. T16	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: LG240200(DY)	22	Cải	
25	48564511		Retaining ring		No. W18	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu - IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: LG240200(DY)	22	Cải	
26	51337046		HYDRAULIC VALVE DIV EL YRIA.OH 44035 USA		627B-2-3/4-2	Parker			4	Cải	
27	51794010		Bom dầu bôi trơn và điều khiển		Model: T6CC-028-010-1R00-C1WO	Parker		TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-MAN-5003 (trang 15/75)	4	Cải	
28	51794007		Bom dầu làm mát tuần hoàn		Model: T6C-031-1R00-B1M0	Parker		TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-MAN-5003 (trang 15/75)	2	Cải	
29	43900193		Bolt & ring		No. T14, T15	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: U234Y100(DY)	88	Bộ	



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
30	53004003		Sliding Block		No. 01	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: U234Y100(DY)	44	Bộ	
31	48564507		Retaining ring		No. W4	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: U234Y100(DY)	22	Cái	
32	48532344		O-ring		No. W5	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: U234Y100(DY)	22	Cái	
33	50304028		Bearing		No. T22	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: U234Y100(DY)	22	Cái	
34	48532350		O-ring		No. W6	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: U234Y100(DY)	22	Cái	
35	48532351		O-ring		No. W12	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: U234Y100(DY)	22	Cái	
36	50304036		Bearing		No. W11	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: U234Y100(DY)	22	Cái	
37	48532353		O-ring		No. W10	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: U234Y100(DY)	22	Cái	
38	48532355		O-ring		No. W7	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE I: U234Y100(DY)	22	Cái	
39	43900194		Cylinder- Head bolt & Gasket		No. T13, T12	TLT Turbo		IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: U234Y200(DY)	88	Bộ	



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
40	48545047		Circlip for hole 55		No. W4	TLT Turbo		IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: U234Y200(DY)	22	Cái	
41	48532357		O-ring 49.5x3		No. W5	TLT Turbo		IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: U234Y200(DY)	22	Cái	
42	50107192		Axial Grooved ball Bearing		No. T20	TLT Turbo		IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: U234Y200(DY)	22	Cái	
43	48532358		O-ring 44.2x2.5		No. W6	TLT Turbo		IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: U234Y200(DY)	22	Cái	
44	48532360		O-ring 85x5		No. W12	TLT Turbo		IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: U234Y200(DY)	22	Cái	
45	50107193		Grooved ball Bearing		No. W11	TLT Turbo		IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: U234Y200(DY)	22	Cái	
46	48532365		O-ring 90x3		No. W10	TLT Turbo		IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: U234Y200(DY)	22	Cái	
47	48532368		O-ring 60x3		No. W7	TLT Turbo		IMPELLER HUB ASSEMBLY, STAGE II: U234Y200(DY)	22	Cái	
48	51337047		HYDRAULIC VALVE DIV EL.YRIA.OH 44035 USA		627B-2-3/4-2 EH/12	Parker			2	Cái	
49	51774047		Bom dầu bôi trơn và điều khiển		Model: - Model: PGP517B0380CD1H3NE7E6S-PGP517A0250XE7E6B1B1	Parker		TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-MAN-5001 (trang 18/90)	4	Cái	
50	51774034		Bom dầu làm mát tuần hoàn		Model: PGP517A0520CT1D7NE7E6B1B1	Parker		TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-MAN-	2	Cái	



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
								5001 (trang 18/90)			
51	43900191	Rotor quạt FDF	Bolt & Washer		No. 13, 14	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu ROTOR PARTS U152Y00	132	Bộ	
52	53004008		Sliding Block		Bao gồm No. W6, W7, W8, 11	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu ROTOR PARTS U152Y00	22	Bộ	
53	48564506		Retaining ring		No. W9	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu ROTOR PARTS U152Y00	22	Cái	
54	48532328		O-ring		No. W10	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu ROTOR PARTS U152Y00	22	Cái	
55	50304024		Bearing		No. 21	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu ROTOR PARTS U152Y00	22	Cái	
56	48532330		O-ring		No. W11	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu ROTOR PARTS U152Y00	22	Cái	
57	48532337		O-ring		No. W17	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu ROTOR PARTS U152Y00	22	Cái	
58	50304027		Bearing		No. W16	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu ROTOR PARTS U152Y00	22	Cái	
59	48532340		O-ring		No. W15	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu ROTOR PARTS U152Y00	22	Cái	
60	48532341		O-ring		No. W12	TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu ROTOR PARTS U152Y00	22	Cái	



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
61	51774048		Bơm dầu bôi trơn và điều khiển		Model: PGP517B0280CD1H3NE7E6S- PGP517A0250XE7E6B1B1	Parker		TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-MAN-5002 trang 15/69	4	Cái	
62	50174115	Main bearing IDF	Angular Contact Ball Bearing	No. W11		TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu UZ22000- Main Bearing Assembly	2	Cái	
63	50304001		Cylinder Roller Bearing	No. W13		TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu UZ22000- Main Bearing Assembly	2	Cái	
64	50402059		Bush	No. T2		TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu UZ22000- Main Bearing Assembly	2	Cái	
65	48532121		Stacked Ring	No. T23		TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu UZ22000- Main Bearing Assembly	8	Cái	
66	48536258		Seal Ring	No. T22		TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu UZ22000- Main Bearing Assembly	4	Cái	
67	48572286		O-ring Ø210x5.5	No. W15		TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu UZ22000- Main Bearing Assembly	2	Cái	
68	53447002		Spring 2x10x18	No. W10		TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu UZ22000- Main Bearing Assembly	14	Cái	
69	48572287		O-ring Ø662x5	No. W16		TLT Turbo		Bản vẽ tham chiếu UZ22000- Main Bearing Assembly	2	Cái	
70	58801067	Powerwave Acoustic Horn DC-75	Màng Titan cho còi sóng âm thổi bụi:		Diaphragm Titan Horn Sonic Model: DC-75 Powerwave®Acounstic Horns	BHA		"TB2-SDC.VP124-00HTA-M-M1A-SPC-0003_Rev0 (Trang 21, 26/145)"	15	Cái	



PHỤ LỤC BIỂU CHÀO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 2195/CNPĐ-TM ngày 30/10/2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VNĐ	Thành tiền (trước thuế) VNĐ
1	Mua sắm vật tư thay thế phục vụ BDSC định kỳ năm 2027 cho hệ thống khói gió - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2					
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)

